

Các quy định của pháp luật về giám hộ được áp dụng nhằm mục đích chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị mất năng lực hành vi dân sự (NLHVDS), người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (người được giám hộ) và việc giám hộ phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Luật Hộ tịch quy định thủ tục đăng ký giám hộ gồm: đăng ký giám hộ cố và đăng ký giám hộ đương nhiên; theo đó, trường hợp vắng mặt người yêu cầu đăng ký giám hộ hoặc (1) phải nộp các giấy tờ làm căn cứ đăng ký giám hộ đương nhiên (anh, chị ruột hoặc ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại hoặc bác, chú, cậu, cô, dì ruột là người người được quy định giám hộ đương nhiên cho người bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc (2) nộp văn bản của người giám hộ đề đăng ký giám hộ cố (trong trường hợp người bị mất năng lực hành vi dân sự NLHVDS không có người giám hộ đương nhiên nêu trên).

Tuy nhiên, ngoài các trường hợp trên thì Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS) cũng còn quy định các trường hợp giám hộ khác, như: trường hợp Giám hộ được Tòa án chỉ định, như: trường hợp có tranh chấp giữa người giám hộ (tranh chấp về người giám hộ đương nhiên hoặc tranh chấp về việc của người giám hộ của UBND cấp xã) - Điều 54; trường hợp Tòa án ra quyết định tuyên bố mất năng lực có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ - Điều 23; trường hợp người có năng lực hành vi dân sự tự nguyện giao cho mình khi họ ở tình trạng của người giám hộ (Điều 48)

Vấn đề người vi phạm trên trao đổi ở đây là hai trường hợp này có phải thuộc diện đăng ký giám hộ hay không, nhất là đối với trường hợp giám hộ đã được Tòa án chỉ định

Vấn đề này, người vi phạm nêu 02 luận ý khác nhau:

*Ý kiến thứ nhất cho rằng:* Tất cả các trường hợp giám hộ đều phải thuộc diện đăng ký giám hộ, vì theo quy định tại khoản 3 Điều 46 BLDS thì "Việc giám hộ phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch", cụ thể là đăng ký tại UBND cấp xã đối với việc giám hộ giữa công dân trong nước và tại UBND cấp huyện đối với việc giám hộ giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài cùng cư trú tại Việt Nam.

Tuy nhiên, ý kiến này cũng không nêu được phải thuộc diện đăng ký giám hộ đối với hai trường hợp trên theo thủ tục gì? Khi chúng ta không thu vào các điều kiện giám hộ đương nhiên cũng không phải trường hợp giám hộ cố.

Tuy vậy, trên thực tế để giải quyết yêu cầu thẩm định cho người dân các cơ quan đăng ký hộ tịch vẫn thuộc diện đăng ký giám hộ cho hai trường hợp trên nhận thức của công chức thuộc diện (có thể đăng ký giám hộ đương nhiên nếu căn cứ đăng ký giám hộ là quyết định giải quyết tranh chấp giữa người giám hộ đương nhiên hoặc đăng ký giám hộ cố đối với trường hợp căn cứ đăng ký giám hộ là quyết định giải quyết tranh chấp về việc của người giám hộ hoặc là văn bản giao cho người giám hộ của người được giám hộ - vì chúng ta chưa có văn bản quy định điều kiện đăng ký giám hộ đương nhiên được BLDS liệt kê cụ thể).

*Ý kiến thứ hai cho rằng:*

Mặc dù không có quy định trong Luật Hộ tịch về thủ tục đăng ký giám hộ đối với hai trường hợp trên nhận đối với trường hợp giám hộ do người được giám hộ giao cho khi người được giám hộ trong tình trạng có năng lực hành vi dân sự tự nguyện được đó thì cần phải thuộc diện đăng ký giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch mới có giá trị pháp lý và có thể coi trường hợp này là giám hộ đương nhiên.

Đối với trường hợp người giám hộ đã được Tòa án chỉ định thì không phải thuộc diện đăng ký giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Bởi vì: quyết định của Tòa án trong đó có nội dung chỉ

Định giám hộ một người khi đã có hiệu lực thì phải đăng ký các cá nhân, cơ quan có liên quan tôn trọng, tuân thủ mà không phải thêm thủ tục đăng ký giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Do vậy, trình tự này thì quan đăng ký hộ tịch chỉ thực hiện ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Điều 30, Điều 31 của Luật Hộ tịch.

Những vấn đề pháp lý là tại khoản 2 Điều 3 của Luật Hộ tịch liệt kê các việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được ghi vào sổ hộ tịch chỉ có việc "công nhận giám hộ" mà không có việc "chỉ định giám hộ" trong khi đó, BLDS năm 2015 không sử dụng thuật ngữ "công nhận giám hộ" tại mục quy định về chỉ định Giám hộ.

Quan điểm của tác giả nghiêng về luận ý kiến thứ 2, theo đó có các đề xuất:

*Thứ nhất: Cần quy định ngoài việc phải đăng ký giám hộ đối với trình tự giám hộ đã được Tòa án chỉ định, thay vào đó nên quy định việc ghi chú thay đổi hộ tịch của cá nhân đối với trình tự này và sửa đổi thuật ngữ "công nhận giám hộ" quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 3 của Luật Hộ tịch thành "Chỉ định giám hộ" cho phù hợp với quy định của BLDS năm 2015.*

*Thứ hai: Bổ sung thêm điều kiện giám hộ đồng nguyện đối với trình tự giám hộ đã được người giám hộ lựa chọn khi người giám hộ trong tình trạng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.*

Ngoài ra, một số vấn đề pháp lý của đối với các cơ quan đăng ký hộ tịch khi thực hiện chỉ định Giám hộ là đăng ký "Giám sát việc giám hộ".

Giám sát việc giám hộ được quy định tại Điều 51 BLDS năm 2015, tuy nhiên pháp luật hộ tịch của quy định của thực việc thực hiện thủ tục này, do vậy các cơ quan đăng ký hộ tịch cũng lúng túng khi tiếp nhận yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ. Trong thực tế, để tháo gỡ vướng mắc này, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chủng tộc cũng có văn bản hướng dẫn riêng cho một số địa phương về việc quy định đăng ký giám hộ của Luật Hộ tịch để thực hiện thủ tục đăng ký giám sát giám hộ khi nhận được yêu cầu của đồng nguyện sự.

Rất mong nhận được ý kiến chia sẻ của các bạn đọc./.

**Trần Kim**